

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-6-2022

Về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Quang Bảo

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-5-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 03-6-2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1987; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Đội C xóm N, thôn L, huyện N, tỉnh Nam Định; Địa chỉ cư trú: thôn N, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Tất T, sinh năm 1975; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu và địa chỉ cư trú: thôn N, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định. (vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 09-4-2022, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Tất T tổ chức lễ cưới và tự nguyện kết hôn ngày 23 tháng 11 năm 2005, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Nam Phong, thành phố N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị L chán nản nên đã đi xuất khẩu lao động. Sau khi về nước chị L đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Youngone Nam Định. Từ khi về nước chị và anh Th cũng không nói chuyện được với nhau, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Sau khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án chị có nói chuyện với anh Th nhưng anh Th không có quan điểm gì. Bản thân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị có nguyện vọng xin được ly hôn anh Trần Tất T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Minh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 11-02-2007. Hiện nay cháu đang sống cùng chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L tự thỏa thuận với anh Th, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: chị Trần Thị L xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đối với anh Trần Tất T theo quy định của pháp luật nhưng anh Trần Tất T không đến Tòa án làm việc.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 06-5-2022, chính quyền địa phương cũng xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị L và anh Trần Tất T đã mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân do quan điểm sống không hòa hợp anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, chị Trần Thị L và con đã chuyển về nhà mẹ đẻ của chị L ở thôn Lã Điền, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định sinh sống. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh Th đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị ngày 06-5-2022 của cháu Trần Minh A có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa Trần Thị L và anh Trần Tất T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng,

mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị Trần Thị L và anh Trần Tất T.

Về con chung: Chị L và anh Th có một con chung là Trần Minh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 11-02-2007. Hiện nay cháu đang sống cùng chị L, xét nguyện vọng của chị Trần Thị L muốn được nuôi con, anh Trần Tất T không có quan điểm gì. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định giao con cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị L tự thỏa thuận với anh Th, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị L là nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị L là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Trần Tất T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị L và anh Trần Tất T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Trần Tất T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Phong, thành phố Nam Định ngày 23 tháng 11 năm 2005 nên hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Trần Tất T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị Trần Thị L và anh Trần Tất T chung sống hòa thuận được một thời gian đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị L đã đi xuất khẩu lao động. Sau khi về nước chị L và anh Th cũng không sống cùng nhau, chị L và con đã về nhà bố mẹ đẻ chị L sinh sống. Hiện tại chị và anh Th đã ly thân, cuộc sống chung không còn trên thực tế. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đối với anh Th nhưng anh Th không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gì chứng tỏ anh Th không có nguyện vọng đoàn tụ. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh Th và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Trần Tất T mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho

ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Trần Tất T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Minh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 11-02-2007. Hiện nay cháu đang sống cùng chị L, cháu Trần Minh A có nguyện vọng ở với mẹ, Chị L cũng có nguyện vọng được nuôi con chung, anh Trần Tất T không có quan điểm gì. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao con chung cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị L có quan điểm chị tự thỏa thuận với anh Th, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị L xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Trần Thị L là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị L và anh Trần Tất T .

2. Về con chung: Giao con Trần Minh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 11-02-2007 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chị Trần Thị L tự thỏa thuận với anh Trần Tất T, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm

nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Trần Thị L đã nộp tại biên lai số 0005221 ngày 13-4-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L và anh Trần Tất T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Trần Thị L, anh Trần Tất T có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”*

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND xã Nam Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Trường**